TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 153/2019/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 22 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 242/2019/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Huyền T**, sinh năm 1993

*Bị đơn: Anh **Trần Công V**, sinh năm 1994

Cùng ngụ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Trần Công V.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T và anh Trần Công V thuận tình ly hôn.

Ghi nhận chị T, anh V không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

b) Về con chung: Chị Trần Thị Huyền T được nuôi cháu Trần Thị Thiên K, sinh ngày 16/8/2017.

Anh Trần Công V cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Huyền T mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Thiên K tròn 18 (mười tám) tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5 năm 2019.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

c)Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh V khai không có nên không xem xét.

d)Về án phí:

-Án phí hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

-Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Huyền T tự nguyện chịu thay luôn cho anh Trần Công V 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng số tiền án phí chị Trần Thị Huyền T chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003094 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
-Đương sự;
-VKSND huyện Châu Thành;
-UBND xã D, huyện E, tỉnh Bến Tre;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Dương Bích Việt